



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____
LOI#: _____
I-171#: _____ Y _____ NO _____
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN THANH CAO
Last Middle First
Current Address: 276 Tô 76, KV2 Phường Hùng Phú, Cần Thơ
Date of Birth: 4/18/46 Place of Birth: Cần Thơ
Previous Occupation (before 1975) Lieutenant (police)
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 6/28/75 To 6/20/83
Years: 8 Months: _____ Days: _____
3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address and Telephone Number
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Nguyễn Thanh Cao
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Nguyễn Thị Năm	1/4/41	Wife
Nguyễn Huy Hoàng	2/3/72	Son
Nguyễn Công Bỉnh	6/6/66	Son
Nguyễn Thị Ngọc Anh	1/2/69	Daughter
Nguyễn Chí Thái	2/6/72	Son
Nguyễn Anh Tuấn	8/28/74	Son
Hà Thanh Liên	3/20/80	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

FROM: NGUYỄN THANH CAO
276, Tô 6, KV 2 Phường
Hưng Phú TP. Cần Thơ

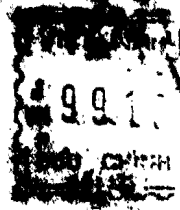
407 17900-



PAR AVION VIA AIR MAIL

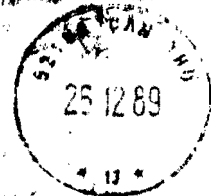
JAN 16 1990

MAY BAY
PAR AVION



Linh Gửi:

TO: Bà KHUÊ MINH THO
P.O. BOX 5435 ARLINGTON
V.A 22205-0635
U.S.A.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 360413802

Họ tên NGUYỄN THỊ NAM

Sinh ngày: 01-01-1941

Nguyễn quán, Thợ rèn Phú,
Cần Thơ, Hậu Giang.

Nơi thường trú 57, Thành Phố
Cần Thơ, Hậu Giang.



SÂN Y SỞ KHOA HỌC

Nov. 25th 1949

UL 149800-750-561-0.1 CAN TWO



Duch

Nguyễn Văn Thanh

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo tròn 0,3cm 00,5
cm, dưới sụn dưới mày
trái.



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 11 tháng 06 năm 1978

KT/BIAM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

TRƯỞNG TY



Thiên



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 361309746

Họ tên NGUYỄN PHẠNH CAO

Sinh ngày 1946

Nguyên quán

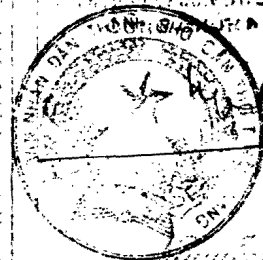
Cần Thơ, Hậu Giang

Nơi thường trú 12/44, An Lạc,

Cần Thơ, Hậu Giang

SỐ Y SỐ 823/00.18

25/05/1989



Đinh

Nguyễn Bình Dương

Dân tộc: kinh. Tôn giáo: không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi nổi 04 cm
dưới sấu đuôi mắt
phải

Ngày 16 tháng 06 năm 1986

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



Phu

Phu

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT HÔN

Tỉnh, Thành phố Đà Nẵng
Quận, Huyện Cẩm Khê
Xã, Phường Am Lạc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyển số 02
Số 91.HT.88

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ và tên người vợ Nguyễn Thị Năm
Sinh ngày 04.01.1941
Quê quán
Nơi đăng ký thường trú 276 Km Vực
L. Gò C. phường Hương Phư
Nghề nghiệp Nội trợ
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam
Số CMND hoặc Hộ chiếu 360113802

Họ và tên người chồng Nguyễn Thành Cao
Sinh ngày 18.04.1946
Quê quán
Nơi đăng ký thường trú 112/44 Nguyễn
Thị Minh Khai phg. Am Lạc
Nghề nghiệp Buôn bán
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam
Số CMND hoặc Hộ chiếu

Kết hôn ngày 03 tháng 08 năm 19 88

Chữ ký người vợ

Chữ ký người chồng

Nguyễn Thị Năm
Số 3 Y 507823/CC.HT
Ngày đăng ký 03/08/88
THÀNH LẬP
CỘNG HÒA VIỆT
Nguyễn Thành Cao



TM. UBND Phường Am Lạc
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Thành Cao

QUESTIONNAIRE FOR EX. POLITICAL PRISONER IN VIETNAM

CẦN THƠ, December 25th 1989

I. BASIC INFORMATION OF APPLICANT IN VIETNAM

1. Full name of Ex. Political prisoner: NGUYỄN THANH CAO
2. Other name: None
3. Date and place of birth: April 18th 1946 at CẦN THƠ
4. Position, rank (before 4/75), Military Serial number:
Second Lieutenant - Police Headquarters / Republic Viet Nam
P/N: 123586.
5. Month, date, year arrested: June 28th 1975
6. Month, date, year out of camp: June 20th 1983
7. Month, date and number of release certificate:
Release certificate N2 503/GRT dated June 20th 1983
8. Mailing address: NGUYỄN THANH CAO 276 TÔ 6 K.V. 2
phường Hưng Phú Thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang -
9. Present residing address: 276 TÔ 6 K.V. 2 phường Hưng
Phú Thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang -

II. LIST FULL NAME - DATE OF BIRTH - PLACE OF BIRTH OF EX.

POLITICAL PRISONER IMMEDIATE FAMILY AND FATHER, MOTHER

A. Relatives to accompany with Ex. political prisoner to be
considered for U.S. Country

NR	NAME IN FULL	Date of birth	Place of birth	Sex	Relationship	Address
1	NGUYỄN THỊ NĂM	04 - 1 - 41	BẠC LIÊU	F	Wife	276 TÔ 6 KV. 2 phường Hưng Phú Cần Thơ
2	NGUYỄN HUY HOÀNG	03 - 2 - 72	CẦN THƠ	M	Son	"
3	NGUYỄN CÔNG BẮNG	06 - 6 - 66	CẦN THƠ	M	Son	"
4	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	02 - 1 - 69	CẦN THƠ	F	Daughter	"
5	NGUYỄN CHÍ THÀNH	06 - 2 - 72	KIÊN GIANG	M	Son	"
6	NGUYỄN ANH TUÂN	28 - 8 - 74	CẦN THƠ	M	Son	"
7	HÀ THANH LIÊN	20 - 3 - 80	CẦN THƠ	F	Daughter	"

B. Complete family Listing (Living/Dead) of Ex. political prisoner

1. Father : NGUYỄN THANH KHÁ Dead
2. Mother : NGUYỄN THỊ LÀNH Dead
3. Spouse : NGUYỄN THỊ NĂM Living
4. Former spouse : NGUYỄN THỊ THÀI Living
5. Children :
 1. NGUYỄN HUY HOÀNG Living - Single (My son with former wife)
 2. NGUYỄN CÔNG BẢNG Living - Single (My wife's own son)
 3. NGUYỄN THỊ NGỌC ANH Living - Single (My wife's own daughter)
 4. NGUYỄN CHÍ THÀNH Living - Single (My wife's own son)
 5. NGUYỄN ANH TUẤN Living - Single (My wife's own son)
 6. HÀ THANH LIÊN Living - Single (My wife's own daughter)

6. Siblings:

1. Brother : NGUYỄN VĂN GIỚI Living - Married
2. - NGUYỄN THANH NÊN Living - Married
3. - NGUYỄN THANH THIÊN Living - Married
4. Sister NGUYỄN THỊ HÒA Living - Married.

III. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM

A. Closest relatives in the U.S.

of me
None

of my spouse
None

B. Relatives in other foreign countries

of me
None

of my spouse
None

IV. OVERSEA TRAINING PAID BY U.S. GOVERNMENT

None

V. U.S. AWARDS AND DECORATIONS

None

VI. HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY REUNIFICATION UNTIL NOW.

None

VII - COMMENT REMARKS

If I am eligible to have a political refugee status and if my case meets OGP requirements, I wish to ask you that a letter of introduction be issued to me to enable me to present it to the SRV Government when required.

I am looking forward to receiving your response and any humanitarian assistance you can render to me to expedite my particular case will be deeply appreciated.

Yours respectfully

NGUYỄN THANH CAO

VIII - PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE.

1. Release certificate
2. ~~The family declaration list~~
3. My identification card
4. My wife's identification card
5. My children's all of birth certificate
6. Marriage certificate

Mẫu số 001-QLTĐ, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

SHSLD

ngày 01 tháng 06 năm 1983

T R I C H L U C

$$\begin{array}{ccccccc} \textcircled{\diagdown} & // - / & // \bar{-} & //^{\circ} & _// & // \bar{-} & // \vee // - / \\ & & & & & & \end{array}$$

QUẬN I - KHU PHỐ : AN LẠC

Năm : 1972

Số hiệu: 442

O-O-O-O-C-O-U-C-C-O-O-O-O-O-O-C-O-O-O-O-O-C-O-O-C-C-O-O-O-O-O-O

: Tên, họ đứa con nít	: NGUYEN HUY HOANG
: Nam hay nữ	: nam
: Sinh ngày nào	: ba tháng hai dl 1972
: Sinh tại đâu	: Khu phố An Lạc Thị Xã Cơntho
: Tên, họ Cha	: Nguyễn thanh Cao
: Cha làm nghề gì	: Cảnh sát quốc Gia
: Nhà của ở đâu	: Thị xã Cơntho
: Tên, họ mẹ	: Nguyễn thi Thai
: Mẹ làm nghề gì	: Nồi tro
: Nhà của ở đâu	: Thị xã Cơn tho
: Vợ chánh hay vợ thứ	: Vô chánh
:	: HT số 203 Phụng Hiệp 1965

O-O-O-O-O-O-C-O-O-O-O-O-O-O-O-O-O-U-O-U-O-U-O-O-O-O-U-O-U-O-O-O-O-O

Tại KP. An Lạc, ngày 10 tháng 2 năm 1972

Người khai HỒI VIÊN HỘ TỊCH

Nguyen thanh Cao (ký tên hoặc đóng dấu)

TRẦN VĂN NGOC

NGƯỜI CHỨNG

1- Vo Dieu Anh

2- Trieu ngoc Nam

: MIỄN THI THUỐC :

:(TC.Thông tư Bộ Nội :

: vụ số 4366/BNV/HC/29

: ngày 7 - 8 - 1970) :

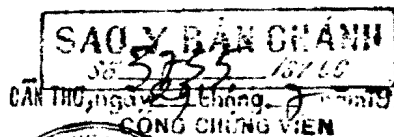
TRÍCH LỤC Y BỒ ĐỒI

Cần Thơ, ngày 12 / 2 / 1972

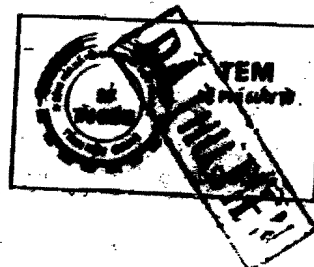
Viên Chức Hồ Tích

(An ký)

TRAN VAN NGOC



Sam H. Lynn



Xã, Thị trấn : HUNG PHÚ

Thị xã, Quận: TP/CNTHO

Thành phố, Tỉnh : HÂU GIANG

**BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH**

58 674

Quyển số 01

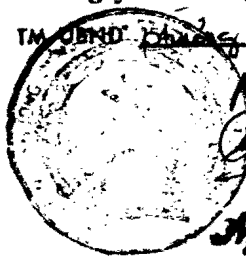
[illegible]

Họ và tên	HÀ THANH LIÊN		Nam, nữ	NỮ
Sinh ngày tháng, năm	20.03.1980 (Ngày hai không, tháng ba năm một chín tám mươi)			
Nơi sinh	Khóm 2, Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ.			
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ		
Họ tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	HÀ THANH LONG 1942	NGUYỄN THỊ NAM 1941		
Dân tộc	Kinh	Kinh		
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam		
Nghề nghiệp	Lái máy cày	Buôn bán		
Nơi ĐKNK thường trú	Ấp 3A, Xã Tân Hòa, H. Châu Thành, Hậu Giang	Số 57, Tổ 10, Khóm 2 Phường Hưng Phú TPCT		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	NGUYỄN THỊ NAM, nay số 57, Tổ 10, Khóm 2 Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ Số CMND : 360113802			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 29 tháng 08 năm 1985

~~TM UBND~~ ~~Chánh~~ ~~thực~~ p ký tên đóng dấu



Nguyễn Văn Hiến

Đã ký ngày 25 tháng 03 năm 1980

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

TM/UBND PHƯỜNG HUNG PHÚ

ỦY VIÊN

(In ký)

HUYNH - HANH

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THỊ-XÃ CẦN-THƠ

Quận: Nhật

Phường: An-Lạc

Số hiệu: 2527

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 31 tháng 8 năm 19 74

Tên họ đứa trẻ	NGUYEN-ANH-TUAN
Con trai hay con gái	Nam
Ngày sanh	Mười hai, tháng tám, năm 1974 (28-8-74)
Nơi sanh	Phường An-Lạc, Thị-Xã Cần-Thơ
Tên họ người cha	NGUYEN-NGOC-THU
Tên họ người mẹ	NGUYEN-THY-NAM
Vợ chánh hay không có hôn-thú	Vợ chánh HT. 45 tại Thuận-Hoà 1965
Tên họ người đứng khai	NGUYEN-THI-TU

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

Phường An-Lạc ngày 06 tháng 9 năm 19 74

Viết theo hộ tịch



TRAN-VAN-NGOC

KHIẾN THI-THỰC
LƯU THÔNG-TỬ BỘ NỘI VỤ
Số 4666/BNV/MC/24
Ngày 2-6-1974

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM Phong đình k. 4
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Thuận đức (Phong đình)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM PHẦN)
(Sud Viêt-Nam)

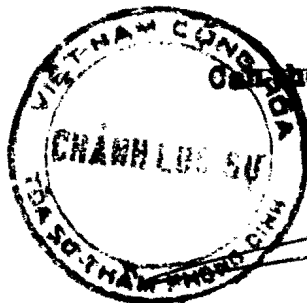
NĂM 1969
(Année)

SỐ HIỆU 004
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Nguyễn thị ngọc Anh
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	nữ
Sinh ngày rằm (Date de naissance)	02 - 01 - 1969
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Thuận đức Phong đình
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Nguyễn ngọc Thu
Cha làm nghề gì (Sa profession)	quân nhân
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Thuận đức Phong đình
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nguyễn thị Năm
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	nội trợ
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Thuận đức Phong đình
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	HT số 45-1965 xã Thuận đức

Cấp cho Nguyễn ngọc Thu

Trích y bản chính,
(Pour extrait conforme)



ngày 17-1-1974
CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

Có tiền: 150
(Cost)
Bản-lai số: 536
(Quittance No)

Le quang Tôt

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM phong đình k. 6
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Thuận đức (Phong đình)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM PHẦN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1966
(Année)

SỐ HIỆU 96
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Nguyễn công Bằng
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	nam
Sinh ngày rằm (Date de naissance)	06 - 6 - 1966
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Thuận đức Phong đình
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Nguyễn ngọc Thu
Cha làm nghề gì (Sa profession)	học sinh
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Thuận đức Phong đình
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nguyễn thị Nam
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	nội trợ
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Thuận đức Phong đình
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	HT số 045 tại Thuận đức 14-7-1965^a

Cấp cho Nguyễn ngọc Thu

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)



Phong đình, ngày 17-1 197 4
CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

Giá tiền: 150
(Coût)
Biên-lai số: 536
(Quittance No)

Lê quang Tôt

Tên, họ đủ chữ :	NGUYEN - CHI - THANH
Phái :	Nam
Sinh :	Sau, tháng hai, năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai.
(Ngày, tháng, năm)	
Tại :	Xã Tay Yen
Cha :	Nguyen ngoc Thu
(Tên, họ)	
Tuổi :	Hai mươi tám tuổi
Nghề-nghiệp :	Quan nhân
Cư-trú tại :	Xã Tay Yen
Mẹ :	Nguyen thi Nam
(Tên, họ)	
Tuổi :	Ba mươi một tuổi
Nghề-nghiệp :	Nội trợ
Cư-trú tại :	Xã Tay Yen
Vợ :	Chanh
Người khai :	Nguyen ngoc Thu
(Tên, họ)	
Tuổi :	Hai mươi tám tuổi
Nghề-nghiệp :	Quan nhân
Cư-trú tại :	Xã Tay Yen
Ngày khai :	Mười, tháng hai, năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai
Người chứng thứ nhất :	Dang ngoc Tho
(Tên, họ)	
Tuổi :	Hai mươi chín tuổi
Nghề-nghiệp :	Quan nhân
Cư-trú tại :	Xã Tay Yen
Người chứng thứ nhì :	Nguyen van Duc
(Tên, họ)	
Tuổi :	Ba mươi ba tuổi
Nghề-nghiệp :	Quan nhân
Cư-trú tại :	Xã Tay Yen

TRICH Y TRONG BỐ

Khai sinh năm 1.972

Tay-Yen, ngày 4 tháng 3 năm 72

ỦY VIÊN HỒ TỊCH

Nguyen Thuy

Làm tại Tay-Yen ngày 10 tháng 02 năm 1972

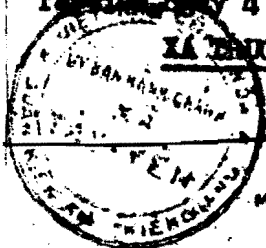
Người khai,
Nguyen ngoc Thu
(ky)

Hộ-lại,
Nguyen van Thay
(ky)

Nhân chứng,
1/-Dang ngoc Tho
(ky)
2/-Nguyen van Duc
(ky)

KIỂM THỊ

Tay-Yen, ngày 4 tháng 3 năm 1972



MA PHUOC-HEN

Cần Thơ, ngày 26 tháng 12 năm 1989

Linh thưa Bà Ghêuc Minh Thở

Tôi tên Nguyễn Thanh Cao, sinh ngày 18-04-1946 tại Nhơn Ái Cần Thơ. Xin thưa Bà về việc như sau:

Năm 1984, tôi đã ly hôn với người vợ trước tên Nguyễn Thị Thái, sinh năm 1948 tại Tuy Hòa (Phước Yên), theo án lệnh của Tòa án Nhân Dân T.P. Cần Thơ số 20/HN-ST ngày 11-09-1984.

Sau đó, tôi có kết hôn với Nguyễn Thị Nấm, do giấy "chứng nhận kết hôn" quyển số 2, số 91.HT.88 ngày 08-08-1988 tại An Lạc Cần Thơ.

Thưa Bà: chồng trước của vợ tôi (Nguyễn Thị Nấm) tên là Nguyễn Ngọc Thu, trung úy Địa Phương Quân, số quân 64/504.527, đại đội 1/475/AP, KBC 7892, tử trận ngày 30-12-1973.

Vậy, xin kính trình tên Bà để Bà hiểu rõ hơn về hoàn cảnh gia đình chúng tôi.

Linh thưa Bà: Nếu tôi đủ điều kiện, xin Bà vui lòng ghi tên tôi vào danh sách "các tù nhân chính trị" để tôi được xuất cảnh theo diện H.O.

Thân ái chào Bà

Nguyễn - Thanh - Cao

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date
____ Membership Letter

3/20/90